

**ỦY BAN DÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/2015/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 30 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-BNN ngày 18 tháng 11 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum: số 427/QĐ-CT ngày 13 tháng 10 năm 2011 về việc thành lập Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum và số 459/QĐ-CT ngày 28 tháng 11 năm 2011 về việc thành lập Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum tại Tờ trình số 01/TTr-HĐQLQ ngày 08 tháng 10 năm 2015, của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 498/TTr-SNV ngày 10 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2012/QĐ-UBND ngày 17/01/2012 của Ủy ban nhân

dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban dân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban dân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đào Xuân Quý

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KON TUM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ BẢO VỆ
VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG TỈNH KON TUM
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 57/2015/QĐ-UBND, ngày 30/12/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh:

Điều lệ này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2008/NĐ-CP*).

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Kon Tum:

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum (*sau đây gọi tắt là Quỹ*) là một tổ chức tài chính Nhà nước, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận và tự đảm bảo chi phí hoạt động; Quỹ được thành lập theo Quyết định số 427/QĐ-CT ngày 13 tháng 10 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

2. Vốn ban đầu của Quỹ: 1.000.000.000 đồng;

3. Trụ sở của Quỹ: Tại thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

4. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum.

5. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Kon Tum Provinces Forest Protection and Development Fund (*KonTum FPDF*).

6. Cơ chế tài chính của Quỹ: Quỹ thực hiện cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định hiện hành.

7. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng tại tỉnh Kon Tum theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mục đích thành lập và nguyên tắc hoạt động của Quỹ:

1. Mục đích thành lập Quỹ:

a. Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng.

b. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng.

c. Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp.

2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ:

a. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn được cấp.

b. Quỹ hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư.

c. Phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 4. Chức năng của Quỹ:

1. Tiếp nhận vốn theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nguồn hỗ trợ từ Quỹ trung ương, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo các Nghị định của Chính phủ: số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008; số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 99/2010/NĐ-CP*) và các quy định khác có liên quan để tạo nguồn vốn.

2. Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn uỷ thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng uỷ thác.

3. Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và tại Điều 7 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

4. Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Tiếp nhận, quản lý số tiền trồng rừng thay thế, giải ngân theo phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ:

1. Nhiệm vụ của Quỹ:

a. Vận động tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, uỷ thác của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước; nguồn tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

- b. Tổ chức thẩm định, xét chọn chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định hỗ trợ đầu tư;
- c. Hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án;
- d. Chỉ đạo, hướng dẫn các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ;
- đ. Thực hiện các quy định của pháp luật về thống kê, kế toán, kiểm toán và chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- e. Quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tự bù đắp chi phí quản lý.
- g. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định hiện hành.
- h. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao hoặc quy định.

2. Quyền hạn của Quỹ:

- a. Phân bổ kinh phí cho từng chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo kế hoạch hàng năm được phê duyệt hoặc quyết định của cấp có thẩm quyền;
- b. Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ hỗ trợ;
- c. Đình chỉ, thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư vi phạm cam kết về sử dụng kinh phí hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật liên quan;
- d. Kiến nghị với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

Chương III

NGUỒN TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Nguồn tài chính của Quỹ:

1. Vốn được cấp theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Nguồn tài chính ủy thác:
 - Tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và văn bản hướng dẫn;
 - Tiền ủy thác của các tổ chức quốc tế; tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.
3. Lãi tiền gửi các tổ chức tín dụng.
4. Nguồn thu từ các khoản đóng góp bắt buộc của các đối tượng quy định tại Điều 10 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ.

5. Tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức quốc tế; tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

6. Kinh phí các chương trình, dự án có quy định hoàn trả nộp Quỹ.

7. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Trung ương.

8. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Đối tượng và nội dung được hỗ trợ:

1. Đối tượng được hỗ trợ: là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh có chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các nội dung được hỗ trợ:

a. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

b. Thử nghiệm và phổ biến, nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững;

c. Hỗ trợ kinh phí để chống chặt, phá rừng và sản xuất, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép;

d. Thử nghiệm, ứng dụng giống cây trồng lâm nghiệp mới;

đ. Hỗ trợ trồng cây phân tán;

e. Phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp;

g. Đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở;

h. Thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án khác do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủy thác.

Điều 8. Điều kiện được hỗ trợ:

1. Chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án phù hợp với nội dung được hỗ trợ quy định tại Khoản 2 Điều 7 Điều lệ này và được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Tổ chức được hỗ trợ có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp và kinh nghiệm thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng.

3. Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được hỗ trợ có đủ năng lực dân sự thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

4. Có cam kết hoàn trả toàn bộ hoặc một phần vốn nếu nguồn hỗ trợ có điều kiện phải hoàn trả.

Điều 9. Phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ:

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho việc thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được quy định tại Điều 7 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản lý Quỹ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể trình tự, thủ tục, đối tượng được hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn tùy theo từng loại chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án; đồng thời quy định mức hỗ trợ, thời gian hoàn trả khoản hỗ trợ, các trường hợp được xét miễn, giảm các khoản kinh phí phải hoàn trả.

Chương IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 10. Tổ chức bộ máy: Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát, Bộ máy điều hành.

Điều 11. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ:

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 9 thành viên; mỗi thành viên được gọi là một ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ; Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các ủy viên còn lại gồm đại diện lãnh đạo: Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chi cục Kiểm lâm và Giám đốc Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Quỹ không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán tài vụ, thủ quỹ của Quỹ.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

1. Tổ chức nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ủy thác, nguồn vốn viện trợ và các nguồn vốn do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

3. Ban hành quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

5. Thông qua kế hoạch kinh phí và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.

6. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

7. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không được trái với quy định của Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ:

1. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 12 Điều lệ này.

3. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc cho ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

7. Xem xét, có ý kiến đối với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng đối với trưởng phó các phòng nghiệp vụ và các cán bộ chuyên môn giúp việc của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

8. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ:

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ mỗi quý một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số ủy viên của Hội đồng tham dự. Ủy viên Hội đồng vắng mặt phải thông báo lý do vắng bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc một ủy viên khác được Chủ tịch ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt làm Chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp, nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số ủy viên trong Hội đồng biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là quyết định cuối cùng. Ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký, trong một số trường hợp đặc biệt có thể được tất cả các ủy viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho một ủy viên Hội đồng ký thay.

7. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng quản lý Quỹ hay quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì vẫn phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 15. Tổ chức Ban kiểm soát Quỹ:

1. Ban Kiểm soát Quỹ có 3 thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ. Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm;

2. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ;

3. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Ban Kiểm soát còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, trong trường hợp cần thiết thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

3. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật về những tiêu cực hoặc bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a. Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ;

b. Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm; xây dựng kế hoạch thu, chi hàng năm trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua;

c. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

d. Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động này và Quy chế làm việc do Hội đồng quản lý Quỹ ban hành, ban hành các quy chế, quy định liên quan đến hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

đ. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng quản lý Quỹ, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh;

e. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ;

g. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, tuyển dụng đối với trưởng phó các phòng nghiệp vụ và các cán bộ chuyên môn giúp việc của Quỹ sau khi được sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

h. Quyết định khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với công chức, viên chức và người lao động của Quỹ theo quy định;

i. Quyết định xếp lương, nâng bậc lương đối với trưởng, phó các phòng nghiệp vụ và các viên chức, người lao động của Quỹ theo quy định;

k. Giải quyết các chế độ liên quan cho công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại Quỹ theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật;

l. Ký hợp đồng lao động để thực hiện một số loại công việc như: bảo vệ, tạp vụ, lái xe...;

m. Quyết định điều chuyển, luân chuyển trưởng, phó phòng nghiệp vụ (*theo nguyên tắc không thay đổi chức vụ*), viên chức, người lao động trong nội bộ Quỹ phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác, đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ, đảm bảo nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ;

n. Tham mưu xây dựng quy định cụ thể phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ, thông qua Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

o. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.

Điều 18. Phó Giám đốc Quỹ:

1. Phó Giám đốc giúp Giám đốc Quỹ điều hành Quỹ, được phân công quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về phần việc được phân công.

2. Phó Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Điều kiện, thủ tục, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 19. Kế toán trưởng:

1. Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về phần việc được giao.

2. Kế toán trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ. Điều kiện, thủ tục, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Bộ máy điều hành Quỹ:

1. Bộ máy điều hành Quỹ gồm: Giám đốc; các Phó giám đốc; Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ hoạt động theo chế độ chuyên trách.

2. Các phòng, ban chuyên môn trực thuộc Quỹ:

- Do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ và trên cơ sở Đề án được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất. Giám đốc Quỹ xây dựng đề án thành lập các Phòng nghiệp vụ trực thuộc (*xác định nhu cầu tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng*) báo cáo xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao;

3. Lãnh đạo các phòng, ban trực thuộc Quỹ và công chức, viên chức, người lao động làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 21. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp:

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát Quỹ, tổ chuyên viên giúp việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban điều hành Quỹ và Ban chi trả cấp huyện được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định về chế độ kiêm nhiệm.

Chương V CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Điều 22. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán:

1. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về tài chính, kế toán và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Quỹ phải tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Chế độ kiểm toán: Quỹ phải thực hiện Kiểm toán theo quy định của pháp luật; báo cáo tài chính của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán.

Chương VI XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 23. Mọi tranh chấp giữa Quỹ với các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 24. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Hội đồng Quản lý Quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở đề án tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 26. Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này. Các nội dung không được ghi trong Điều lệ này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, Hội đồng quản lý Quỹ phải kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đào Xuân Quý